

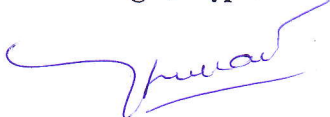
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Đơn vị tính : đồng

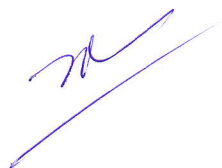
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	515.323.633.300	892.321.071.855
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	11.685.433	12.328.640
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	515.311.947.867	892.308.743.215
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	454.728.872.569	829.077.207.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		60.583.075.298	63.231.536.024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	9.981.595.545	10.871.646.479
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	29.409.328	139.186.003
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		27.665.828	139.186.003
8. Chi phí bán hàng	24		17.599.801.272	16.435.028.009
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.777.524.544	16.037.937.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = (20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		35.157.935.699	41.491.030.792
11. Thu nhập khác	31		109.059.988	322.333.387
12. Chi phí khác	32		5.423.037	62.022.426
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		103.636.951	260.310.961
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35.261.572.650	41.751.341.753
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	6.187.598.701	11.128.611.668
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(54.090.908)	(66.818.181)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		29.128.064.857	30.689.548.266
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		16.645	17.537

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ MỘNG ĐIỆP

TP.HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN MỸ